

Số: 1723/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 18 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Y tế/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 49/SYT-VP ngày 07/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 195 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Y tế/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương. Cụ thể:

- 170 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh;
- 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- 23 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị y tế khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 8/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

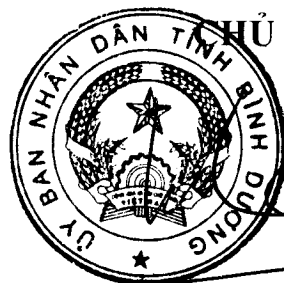


tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế và các đơn vị y tế khác tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

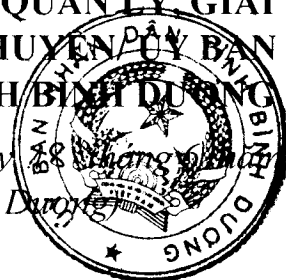
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, KSTT, KGVX, TTHCC, Website;
- Lưu: VT, Hiếu.



Trần Thanh Liêm

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ VÀ CÁC ĐƠN VỊ KHÁC TỈNH BÌNH DƯƠNG


(Ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 28 tháng 04 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

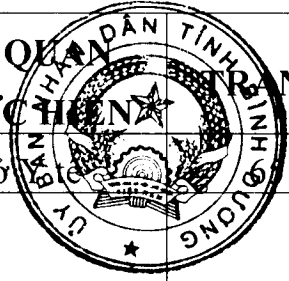


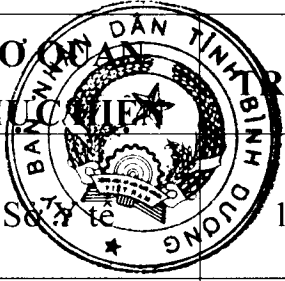
PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

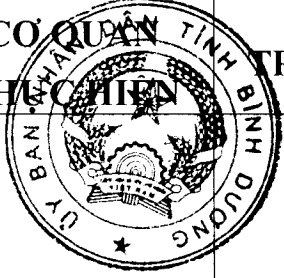
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ.


STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	TRANG
	I. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG		
1.	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Chi cục ATVSTP tỉnh Bình Dương	1
2.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Chi cục ATVSTP tỉnh Bình Dương	5
3.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với Thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Chi cục ATVSTP tỉnh Bình Dương	9
4.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Chi cục ATVSTP tỉnh Bình Dương	13
	II. LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM		
5.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ.	Sở Y tế	18

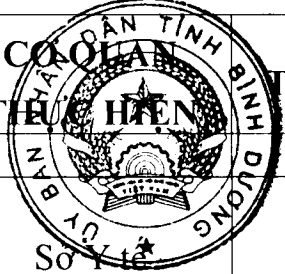
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CƠ QUAN BAN THỰC HIỆN	TỈNH BANG
6.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược.		28
7.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ.	Sở Y tế	33
8.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ.	Sở Y tế	37
9.	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	Sở Y tế	41
10.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược nhưng thay đổi loại hình cơ sở kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược mà làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	Sở Y tế	48
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	Sở Y tế	56
12.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	Sở Y tế	61

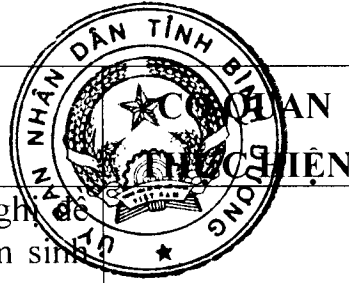
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	 CƠ QUAN DAN TỈNH BÌNH THỰC HIỆN	
13.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động.	Sở	
14.	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu).	Sở Y tế	68
15.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	71
16.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	79
17.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.	Sở Y tế	84
18.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.	Sở Y tế	86
19.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh.	Sở Y tế	90
20.	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc.	Sở Y tế	95
21.	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước.	Sở Y tế	99
22.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	Sở Y tế	103

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	 CƠ QUAN ĐẢN TỈNH BÌNH DƯƠNG THỰC HIỆN Sở Y tế 108	
23.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ có kinh doanh thuốc chất gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất.		108
24.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	Sở Y tế	113
25.	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	Sở Y tế	118
26.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất.	Sở Y tế	123
27.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	Sở Y tế	128
28.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT.	Sở Y tế	133
29.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	Sở Y tế	137
30.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất.	Sở Y tế	143
31.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh	Sở Y tế	149

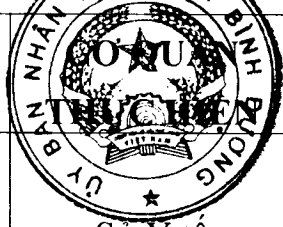
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	 CƠ QUAN TỈNH BÌNH DƯƠNG THỰC HIỆN	
	doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.		
32.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại.	Sở Y tế	155
33.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại.	Sở Y tế	159
34.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực không vì mục đích thương mại.	Sở Y tế	164
35.	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	Sở Y tế	167
36.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối có kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất.	Sở Y tế	172
37.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục	Sở Y tế	178

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		TRANG
	chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.		
38.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT.	Sở Y tế	182
39.	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức tử thuốc	Sở Y tế	185
	III. LĨNH VỰC MỸ PHẨM		
40.	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Sở Y tế	188
41.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	Sở Y tế	193
42.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	Sở Y tế	196
43.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Sở Y tế	197
44.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Sở Y tế	203
45.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Sở Y tế	206
46.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Sở Y tế	209
47.	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Sở Y tế	212
48.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Sở Y tế	215
	IV. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH		
49.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	220
50.	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia	Sở Y tế	230

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		TRANG
	truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		
51.	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	239
52.	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	244
53.	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	Sở Y tế	249
54.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	261
55.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	273
56.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	283
57.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	292
58.	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	299
59.	Thành lập và cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, dược tư thực trên địa bàn quản lý.	Sở Y tế	304
60.	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	306
61.	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	316
62.	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	320
63.	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám	Sở Y tế	325



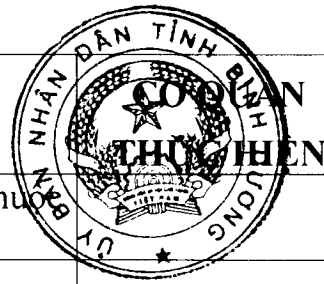
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		TRANG
	bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		
64.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	328
65.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	332
66.	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	Sở Y tế	336
67.	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	350
68.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.	Sở Y tế	359
69.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm.	Sở Y tế	363
70.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng.	Sở Y tế	366
71.	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	Sở Y tế	368
72.	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	Sở Y tế	369
73.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm.	Sở Y tế	371

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		TRANG	
74.	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	 Sở Y tế	383	
75.	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		Sở Y tế	386
76.	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trước ngày 01/01/2016.		Sở Y tế	388
77.	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016.		Sở Y tế	392
78.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		Sở Y tế	397
79.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		Sở Y tế	402
80.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		Sở Y tế	412
81.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa.		Sở Y tế	422
82.	Cấp bổ sung lòng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã.		Sở Y tế	432
83.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm.		Sở Y tế	442
84.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng	Sở Y tế	451	

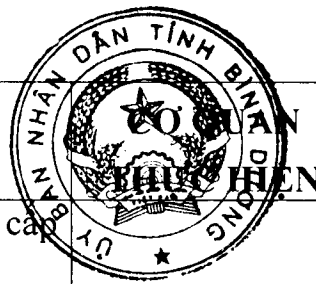


STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		TRANG
	khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền.		
85.	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	454
86.	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	Sở Y tế	460
87.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	Sở Y tế	467
88.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	Sở Y tế	474
89.	Cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	Sở Y tế	482
90.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	Sở Y tế	490
91.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	504
92.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	513
93.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	526
94.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa	Sở Y tế	535

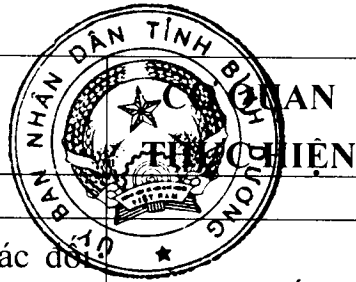
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỞ Y TẾ	TRANG
	bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		
95.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	544
96.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế	553
97.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.	Sở Y tế	562
98.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả.	Sở Y tế	570
99.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà.	Sở Y tế	579
100.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc.	Sở Y tế	587
101.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh.	Sở Y tế	596
102.	Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã.	Sở Y tế	605
103.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm.	Sở Y tế	613
104.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh.	Sở Y tế	623
105.	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất	Sở Y tế	630



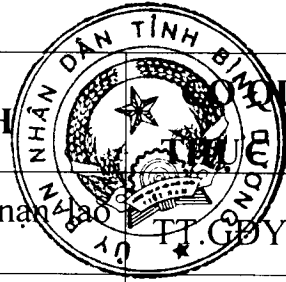
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền.	
106.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.	Sở Y tế 633
107.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế 636
108.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế 646
109.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế 656
110.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền.	Sở Y tế 661
111.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Sở Y tế 664
112.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.	Sở Y tế 669
113.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo.	Sở Y tế 672
114.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư	Sở Y tế 675



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	số 29/2015/TT-BYT.	
115.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.	681
116.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.	684
117.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.	689
	V. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA	
118.	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính.	693
119.	Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.	695
120.	Khám GDYK đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học và con đẻ của họ đã được công nhận và đang hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trước ngày 01 tháng 9 năm 2012.	700
121.	Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.	705
122.	Cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học.	715

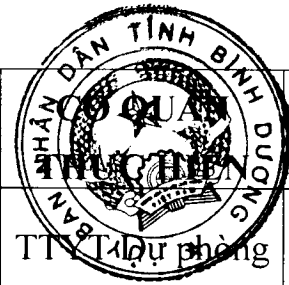


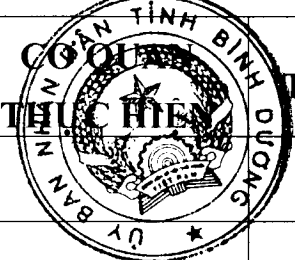
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
123.	Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động.	718
124.	Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp.	723
125.	Giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động.	726
126.	Giám định để thực hiện chế độ tử tuất.	732
127.	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai.	736
128.	Giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần.	739
129.	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động.	742
130.	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát.	749
131.	Khám giám định tổng hợp.	753
132.	Giám định khiếu nại của người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.	757
133.	Giám định để hưởng trợ cấp mất sức lao động đối với người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).	760
134.	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện.	765
135.	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	768
136.	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	771
137.	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	774



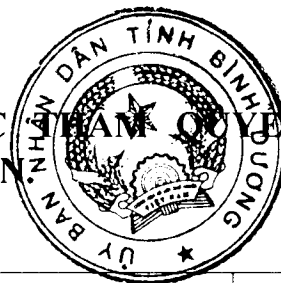
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		TRANG
138.	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	TT.GĐYK tỉnh	777
VI. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG			
139.	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm kháng định các trường hợp HIV dương tính.	Sở Y tế	780
140.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm kháng định các trường hợp HIV dương tính.	Sở Y tế	788
141.	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	TT.PC HIV/AIDS	793
142.	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	TT.PC HIV/AIDS	797
143.	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng.	TT.PC HIV/AIDS	801
144.	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng.	TT.PC HIV/AIDS	805
145.	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.	TT.PC HIV/AIDS	809
146.	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.	Cơ sở điều trị Methadone	811
147.	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự.	Cơ sở điều trị Methadone	819
148.	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất.	Cơ sở điều trị Methadone	821
149.	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ.	Cơ sở điều trị Methadone	828
150.	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.	Sở Y tế	830
151.	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.	Sở Y tế	834

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		TRANG
152.	Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng.	TTYT Dự phòng	837
153.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	Sở Y tế	839
154.	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm.	Sở Y tế	844
155.	Duyệt dự trữ và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	Sở Y tế	848
156.	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động.	TT.SKLDMT	850
157.	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.	TTYT Dự phòng	858
158.	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải.	TTYT Dự phòng	863
159.	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa.	TTYT Dự phòng	885
160.	Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt	TTYT Dự phòng	898
161.	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	TTYT Dự phòng	902
	VII. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH Y TẾ		
162.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) công lập địa phương trực thuộc UBND tỉnh/ thành phố	Sở Y tế	906
	VIII. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ		
163.	Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Sở Y tế	908
164.	Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Sở Y tế	914
	IX. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO		
165.	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở	Sở Y tế	916



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	 TRANG	
	khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố.		
	X. LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ		
166.	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế.	Sở Y tế	919
167.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A.	Sở Y tế	926
168.	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D.	Sở Y tế	936
169.	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế.	Sở Y tế	941
170.	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.	Sở Y tế	946

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Trang
I. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG		
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	950

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Trang
I. LĨNH VỰC DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH : 01 TTHC		
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	955

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC ĐƠN VỊ KHÁC.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
I. LĨNH VỰC DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		
1	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	964
2	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh.	966
3	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.	968
II. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA		
4	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.	970
5	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên.	972
6	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với	974

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	người chưa đủ 16 tuổi.	
	III. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH	
7	Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên.	976
8	Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi.	981
9	Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành. vì dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.	985
10	Khám sức khỏe định kỳ.	992
11	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định tại Phụ lục I.	997
12	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục số II.	1003
13	Khám sức khoẻ định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.	1010
	IV. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG	
14	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng.	1017
15	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.	1019
16	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng.	1022
17	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý	1025
18	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý.	1027
19	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh.	1029
20	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà.	1032

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	V. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH Y TẾ	
21	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) ngoài công lập.	1035
	VI. LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC.	
22	Kiểm tra, công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược.	1037
23	Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược.	1041

